

UBND TỈNH THANH HÓA
BAN QUẢN LÝ
KHU KINH TẾ NGHI SƠN
VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT-BQLKKTNS&KCN

Thanh Hóa, ngày tháng 12 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ NGHI SƠN
VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép môi trường các dự án đầu tư tại Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án Khu phát triển GAS & LNG và các loại hình phụ trợ lọc hóa dầu tại Khu kinh tế Nghi Sơn, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 1) của Tổng Công ty đầu tư Xây dựng và TM Anh Phát - CTCP số 85/CV-AP ngày 16 tháng 11 năm 2022 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Tổng Công ty đầu tư Xây dựng và TM Anh Phát - CTCP, địa chỉ tại: Số 306 đường Bà Triệu, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư: “Khu phát triển GAS & LNG và các loại hình phụ trợ lọc hóa dầu tại Khu kinh tế Nghi Sơn - Giai đoạn I” có địa chỉ tại xã Hải Yến, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Khu phát triển GAS & LNG và các loại hình phụ trợ lọc hóa dầu tại Khu kinh tế Nghi Sơn - giai đoạn I.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Hải Yến, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800846807 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, đăng ký lần đầu ngày 22/06/2005; đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 21/12/2021.

1.4. Mã số thuế: 2800846807.

1.5. Loại hình sản xuất: Tiếp nhận và xuất bán các loại sản phẩm xăng RON 92, xăng Ron 95, dầu Diesel và xăng E5.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Quy mô: Dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích (giai đoạn I): 292.724,8 m².

- Công suất của dự án được cấp phép: Dung tích chứa tối đa nhiên liệu tại các bồn bể của dự án là 165.200 m³.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được Cấp phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tổng Công ty đầu tư Xây dựng và TM Anh Phát - CTCP có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(Từ ngày tháng năm 2022 đến ngày tháng năm 2032).

Giấy phép môi trường thành phần: Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 66/GP-UBND ngày 4/05/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TCTĐT XD và TM Anh Phát - CTCP (t/hiện);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Trưởng Ban (để b/cáo)
- Các Phó Trưởng Ban (đ/biết);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã Nghi Sơn;
- UBND xã Hải Yến;
- Lưu: VT, TNMT (vi).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Trần Chí Thanh

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQLKKTNS&KCN
ngày tháng 12 năm 2022 của Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt, lưu lượng lớn nhất là 2,4 m³/ngày gồm: Nước thải đen xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại với lưu lượng lớn nhất là 1,2 m³/ngày; nước xám dẫn về bể gas với lưu lượng lớn nhất là 1,2 m³/ngày;

- Nguồn số 02: Nước thải công nghiệp tổng lưu lượng lớn nhất là 88,8 m³/ngày (không bao gồm nước vệ sinh bồn bể). Trong đó bao gồm: nước thải từ phòng thí nghiệm có lưu lượng lớn nhất 4,0 m³/ngày; nước thải vệ sinh công nghiệp định kỳ tại khu vực nhà xuất dầu oto xitec có lưu lượng lớn nhất là 2,5 m³/ngày; nước mưa (có khả năng nhiễm xăng dầu) có lưu lượng lớn nhất là 82,3 m³/ngày (tính cho ngày có lượng mưa lớn nhất).

- Nguồn số 03: Nước thải vệ sinh công nghiệp định kỳ tại bể chứa xăng dầu và trong quá trình thực hiện sửa chữa thiết bị trong kho xăng dầu với lưu lượng lớn nhất là 161 m³/lần vệ sinh toàn bộ các bồn bể chứa xăng, dầu.

- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ tàu chở xăng, dầu như nước bẩn, nước lẫn cặn dầu và chất lỏng độc hại khác phát sinh trong hoạt động của tàu thuyền.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Vùng nước biển ven bờ thuộc xã Hải Yến, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Xã Hải Yến, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Tọa độ vị trí xả thải (tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰⁰0', múi chiều 3⁰) là X=2140538(m); Y= 583500(m)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 100 m³/ngày (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Dòng 1 (Nguồn số 1 và Nguồn số 2): Toàn bộ nước thải phát sinh sau khi xử lý sơ bộ tiếp tục dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt quy chuẩn cho phép sẽ được bơm cưỡng bức từ bể quan trắc ra cống xả và xả vào vùng nước biển ven bờ thuộc địa phận xã Hải Yến, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Dòng 2 (Nguồn số 3): Chủ cơ sở ký hợp Hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý như chất thải nguy hại.

- Dòng 3 (Nguồn số 4): Chủ cơ sở ký kết Hợp đồng với các tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ thu gom và xử lý chất thải nước thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển đáp ứng các quy định về chức năng.

2.3.2. Chế độ xả nước thải

- Dòng 1: Gồm nước thải từ Nguồn số 1 và Nguồn số 2: Gián đoạn.

- Dòng 2: Nước thải từ Nguồn số 3: Chủ cơ sở ký hợp Hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý như chất thải nguy hại; không xả trực tiếp ra môi trường.

- Dòng 3: Nước thải từ Nguồn số 4: Đơn vị chức năng thu gom trực tiếp tại tàu và vận chuyển đi xử lý theo quy định, không xả trực tiếp ra môi trường.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải quy định tại QCVN 29:2010/BTNMT (cột B, Kho) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu; QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008, cột B)	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 29:2010, cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5-9	6-9	(*)	(**)
2	BOD ₅ (20 ⁰ c)	mg/l	60	-		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	-	50		
4	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	-	50		
5	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200	-		
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8	-		
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	12	-		
8	Nitrat (NO ₃ ⁻) (Tính theo N)	mg/l	60	-		
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24	-		
10	Dầu mỡ khoáng (tổng hydrocarbon)	mg/l	-	15		
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12	-		
12	Phosphat (PO ₄ ³⁻)(tính theo P)	mg/l	12	-		
13	Tổng Colifoms	VK/100ml	5.000	-		

Ghi chú: Khuyến khích thực hiện quan trắc định kỳ nước thải đối với các chất ô nhiễm nêu tại bảng trên để theo dõi, giám sát hệ thống xử lý nước thải.

(-): Không quy định;

(*): Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại khoản

2, điều 97, ND số 08/2022/ND-CP;

(**): Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2, điều 97, Nghị định số 08/2022/ND-CP;

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt, bao gồm: Nước đen là nước thải sinh hoạt từ bồn tiêu, bồn cầu (tại nhà vệ sinh trong khu nhà văn phòng quản lý, nhà kiểm định, nhà hóa nghiệm, nhà trực cầu cảng... được xử lý sơ bộ bằng 04 bể tự hoại 5 ngăn; nước xám là nước thải sinh hoạt từ tắm giặt, rửa tay chân, vệ sinh sàn khu nhà văn phòng,... không đi qua bể tự hoại) được thu gom bằng đường ống D200 đặt ngầm về trạm XLNT tập trung công suất thiết kế 100 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải công nghiệp gồm: Nước thải từ khu hóa nghiệm được thu gom bằng đường ống D50 đặt ngầm; Nước thải vệ sinh công nghiệp từ khu nhà xuất dầu ô tô xitec được thu gom bằng hệ thống rãnh hở B300 kích thước dài x rộng x sâu = 95000 mm x 300 mm x 300 mm phía trên lắp tấm đan bê tông dẫn về 1 bể trụ nằm ngang thể tích 30 m³ để thu gom dầu tràn trước khi theo đường ống D200-D300; nước mưa có khả năng nhiễm dầu tại các điểm xuất dầu tại bến cập tàu 3.000 DWT: Nước thải được thu vào 3 bể thể tích 1 m³ sau đó dẫn theo đường ống kín 2'' (2 inch) -PN10; Tại kho chứa nhiên liệu: Nước mưa nhiễm dầu được thu bằng rãnh thu B300 (tại phần có chiều dài 25⁰- 30⁰ so với đường kính kho chứa phân cắt nối ống dẫn vào, ra của xăng dầu) sau đó sẽ được thu theo đường ống D200-D300. Toàn bộ nước thải này được đưa về trạm XLNT công suất 100 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nguồn số 03: Nước thải vệ sinh công nghiệp định kỳ tại bể chứa xăng dầu và trong quá trình thực hiện sửa chữa thiết bị trong kho xăng dầu: Chủ cơ sở ký kết hợp đồng với đơn vị chức năng sẽ phải trang bị thiết bị để thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định.

- Nguồn số 4: Nước thải phát sinh từ tàu: Chủ cơ sở ký kết hợp đồng với đơn vị chức năng sẽ phải trang bị thiết bị để thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định (Việc tiếp nhận nước bẩn từ tàu thuyền phải có bích nối tiêu chuẩn để kết nối với bích nối của tàu thuyền và có thông số kỹ thuật theo quy định).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Quy trình công nghệ: Nước thải đã được xử lý sơ bộ (nước thải sinh hoạt, nước thải nhiễm dầu) → Hồ gas → Bể điều hòa (Bể chứa dầu) → Bể tuyển nổi → Bể hóa lý → Bể hòa trộn → Bể lắng → Bể trung gian → Bể lọc → Bể quan trắc (trường hợp nước thải không đạt quy chuẩn cho phép sẽ được bơm quay trở lại vào bể hóa lý) → Xả vào nguồn nước tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 100 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch NaOH, FeSO₄; PAC, HNO₃, sữa vôi; Javen (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Hệ thống XLNT tập trung được xây dựng công suất xử lý 100 m³/ngày (24 giờ) trong đó bể điều hòa có thể tích 227,9 m³, đảm bảo chứa nước thải 02 ngày so với công suất thiết kế của trạm xử lý;

- Nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn sẽ được bơm quay về bể hóa lý để tiếp tục xử lý đạt QCCP trước khi thải ra môi trường.

- Hàng ngày, thực hiện kiểm tra một số thông số nước thải sau xử lý để giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

+ Thực hiện bảo dưỡng thiết bị được với tần suất 06 tháng/lần.

+ Thực hiện kiểm tra check list thiết bị máy móc hàng ngày.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không phải vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải sau khi được cấp Giấy phép môi trường này do hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 100 m³/ngày (24 giờ) đã hoàn thành việc vận hành thử nghiệm và đã được Ban quản lý khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN tỉnh Thanh Hóa ban hành công văn số 1721/BQLKKTNS&KCN-TNMT ngày 07/06/2022 về việc thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình BVMT “Khu phát triển GAS&LNG và các loại hình phụ trợ lọc hóa dầu tại KKT Nghi Sơn - Giai đoạn I”.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Tổng Công ty đầu tư Xây dựng và TM Anh Phát - CTCP chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu của giấy phép ra môi trường.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQLKKTNS&KCN
ngày tháng 12 năm 2022 của Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 1: Khí thải phát sinh từ nhà xuất dầu oto xitec, lưu lượng 2.000 m³/giờ.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng, lưu lượng 3.036 m³/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°):

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí của nhà xuất dầu oto xitec, tọa độ vị trí xả khí thải X= 2140546(m); Y= 583534(m).
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thoát khí của máy phát điện dự phòng, tọa độ vị trí xả khí thải X= 2140421(m); Y= 583526(m).
- Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Tổng công ty đầu tư xây dựng và thương mại Anh Phát - CTCP, địa chỉ tại xã Hải Yến, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

2.2.1. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 1: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 2.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 2: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 3.036 m³/giờ.

2.2.2. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Liên tục 24/24 giờ.
- Dòng khí thải số 02: Gián đoạn (khi sử dụng máy phát điện dự phòng).

2.2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

Khí thải xả ra môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, K_p=1; K_v =0,8), QCVN

20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ trước khi thải ra môi trường, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 01				
1	Bụi toàn phần	mg/Nm ³	160	-	-
2	H ₂ S	mg/Nm ³	6		
3	Benzene	mg/Nm ³	5		
4	Toluene	mg/Nm ³	750		
5	nHeptne	mg/Nm ³	2000		
6	Cyclohexane	mg/Nm ³	1350		
I	Dòng khí thải số 02				
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	160	-	-
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	800		
3	Lưu huỳnh dioxit, SO ₂	mg/Nm ³	400		

Ghi chú (-): Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ; quan trắc tự động, liên tục và quan trắc định kỳ đối với bụi, khí thải (quy định tại điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải:

- Khí thải từ nguồn số 01 được thu gom và thải ra môi trường qua ống thoát khí thải số 01 (dòng khí thải số 01).
- Khí thải từ nguồn số 02 được thu gom và thải ra môi trường qua ống thoát khí thải số 02 (dòng khí thải số 02).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Không có

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom, thoát khí thải.
- Có cán bộ vận hành được đào tạo kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành hệ thống, hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

- Các biện pháp khắc phục sự cố được lưu trữ ở dạng văn bản và được hướng dẫn cho cán bộ phụ trách.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

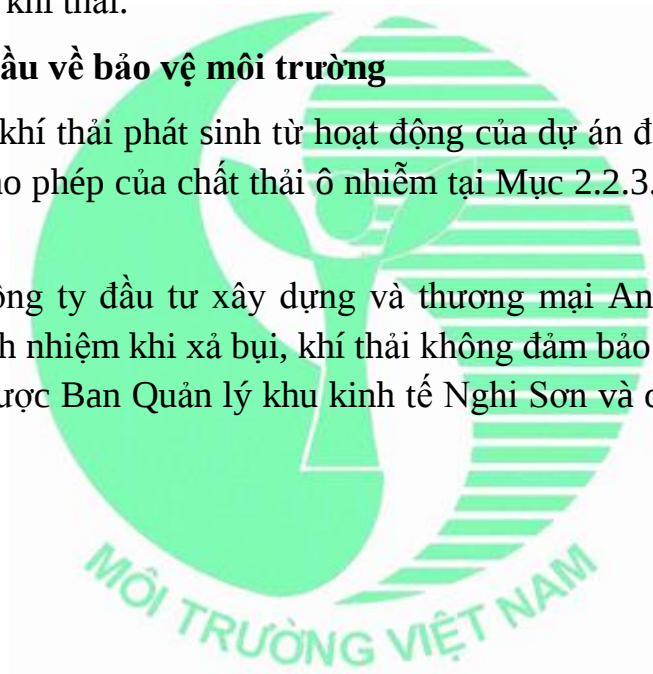
- Nguồn số 01: Không phải vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải sau khi được cấp Giấy phép môi trường do hệ thống xử lý khí thải đã hoàn thành việc vận hành thử nghiệm và đã được Ban quản lý khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN tỉnh Thanh Hóa ban hành công văn số 1721/BQLKKTNS&KCN-TNMT ngày 07/06/2022 về việc thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình BVMT “Khu phát triển GAS&LNG và các loại hình phụ trợ lọc hóa dầu tại KKT Nghi Sơn - Giai đoạn I”.

- Nguồn số 02: Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm do không có công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Xả bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho phép của chất thải ô nhiễm tại Mục 2.2.3. phần A của Phụ lục này.

3.2. Tổng công ty đầu tư xây dựng và thương mại Anh Phát - CTCP phải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường được Ban Quản lý khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp Thanh Hóa cấp.



Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQLKKTNS&KCN
ngày tháng 12 năm 2022 của Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Máy bơm nhiên liệu xăng dầu
- Nguồn số 02: Máy phát điện
- Nguồn số 03: Máy nén khí
- Nguồn số 04: Máy bơm tại hệ thống xử lý nước thải tập trung

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: X=2140543; Y=583531 (m)
- Nguồn số 02: X=2140561; Y=583613 (m)
- Nguồn số 03: X=2140533; Y=583226 (m)
- Nguồn số 04: X=2140552; Y=583513(m)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT -Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Xây dựng kế hoạch vận hành các máy móc, thiết bị hợp lý. Đồng thời kê

chân máy bằng đế cao su, lắp đặt chắc chắn chân máy để giảm rung chấn, bảo dưỡng máy móc định kỳ.

- Đối với các máy móc thiết bị trong dự án, được định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các phương tiện, máy móc. Thay thế các thiết bị cũ để giảm lượng chất thải phát sinh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQLKKTNS&KCN
ngày tháng 12 năm 2022 của Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	17 06 01	200
2	Xăng dầu thải	17 06 02	200
3	Mực thải	16 01 09	1
4	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	3
5	Pin, ác quy chì thải	16 01 12	5
6	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện	16 01 13	100
7	Bùn thải từ thiết bị tách dầu	17 05 02	100
8	Dầu thải từ thiết bị tách dầu	17 05 04	100
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	17 05 06	900
10	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	12 07 05	300
Tổng khối lượng			1.909

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Thiết bị máy móc hỏng không nhiễm xăng, dầu, không chứa thành phần nguy hại	10.000

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	7.500
2	Sinh khối từ hoạt động cắt tỉa cây xanh, thảm cỏ trong khuôn viên dự án	1.000
Tổng khối lượng		8.500

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bao bì, thùng, phuy, can có nắp đậy.

+ Thùng phi 200L có nắp đậy: Chứa dầu nhiên liệu, dầu diesel thải mã CTNH 170601

+ Thùng phi 200L có nắp đậy: Chứa xăng dầu thải mã CTNH 170602

+ Thùng nhựa 200L có nắp đậy : Chứa bóng đèn huỳnh quang mã CTNH 160106.

+ Thùng nhựa 200L có nắp đậy : Chứa Pin, ác quy chì thải mã CTNH 160112.

+ Thùng nhựa 200L có nắp đậy : chứa các linh kiện điện tử hoặc các thiết bị điện có mã CTNH 160113.

+ Thùng nhựa 200L có nắp đậy : Chứa chất hấp thụ, vật liệu lọc, dẻ lau, vải nhiễm thành phần nguy hại có mã CTNH 170506.

+ Bể chứa dầu từ thiết bị tách váng dầu tại trạm xử lý nước thải 23m³ kích thước 3,9 x 2,35 x 2,5 m : chứa váng dầu tách ra mã CTNH 170504.

+ Bể chứa bùn thải từ thiết bị tách dầu của hệ thống xử lý nước thải 7,2m³ kích thước 3 x 3 x 0,8m mã CTNH 170502.

** Thiết bị lưu chứa: Thực hiện theo yêu cầu tại khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.*

2.1.2. Khu vực lưu chứa: 01 kho, diện tích kho: 27,89 m²/kho; phân loại chất thải nguy hại theo mã để lưu chứa đúng quy định tại khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, Chủ cơ sở phải thực hiện các nội dung khác theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường và thực hiện chuyển giao chất thải, lưu giữ hồ sơ chuyển giao chất thải đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bao bì, thùng, phuy, can có nắp đậy đáp ứng theo yêu cầu tại khoản 1, khoản 2 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2.2. Kho lưu chứa: Cơ sở không có kho lưu chứa riêng chất thải công nghiệp thông thường. Tuy nhiên, Chủ dự án phải bố trí khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng quy định tại khoản 3 và khoản 4, hoặc phải chứa, đựng trong các thiết bị, dụng cụ đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường để lưu chứa khi có chất thải phát sinh.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa, bao bì (nilong, vải dứa...) được đặt tại khu vực nhà văn phòng, nhà trực cầu cảng, trên các tuyến đường nội bộ.

2.3.2. Kho lưu chứa: Không có kho lưu chứa riêng chất thải sinh hoạt. Tuy nhiên, Chủ cơ sở bố trí điểm tập kết theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 26 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc có thể lưu chứa trong thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt và thực hiện các quy định khác có liên quan hoặc theo quy định của UBND tỉnh về việc phân loại, thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Đối với công tác ứng phó sự cố tràn dầu: Chủ cơ sở đã ban hành nội quy

thực hiện như sau: Khi khu vực xuất bộ xitec xảy ra sự cố tràn dầu, xăng. Dầu sẽ được chảy theo mương B300 (R 300mm x H 300 x mm) có chiều dài tổng là 95m chảy về Tank 30m³. Đồng thời, khóa van chặn không cho chảy xuống đường ống D200 dẫn xuống nước thải, toàn bộ xăng dầu tràn do sự cố sẽ thu về Tank 30m³ và xử lý. Tại Tank 30m³, tùy thuộc vào số lượng dầu tràn mà có thể dung bơm màng sử dụng khí nén hút vào Tank 1,0 m³ (nếu số lượng ít) hoặc bơm vào xe chở xăng dầu của cơ sở (nếu số lượng nhiều trên 10m³). Xăng dầu sau đó sẽ được lắng tách để phân loại phần cặn, nước nhiễm dầu sẽ được xả bỏ xuống hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý tiếp. Phần dầu tách ra sẽ được lắng tách và phân tích chất lượng sản phẩm nếu không đạt sẽ chứa trong Tank tại nhà rác chứa nguy hại để chuyển đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

Đồng thời, Chủ cơ sở phải tuân thủ các bước thực hiện khác theo Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 12/03/2019 của chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu Nghi Sơn tại KCN số 2, Khu kinh tế Nghi Sơn, xã Hải Yến, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn) của Tổng công ty đầu tư xây dựng & TM Anh Phát - CTCP và thực hiện các quy định khác tại quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu kèm theo Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

- Về công tác PCCC: Cơ sở có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC số 1788/TD-PCCC-P4 ngày 29/08/2019 của cục cảnh sát PCCC và CNCH; Biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC ngày 19/08/2021. Trong đó, cam kết đầu tư đầy đủ trang thiết bị, phương tiện PCCC (02 xe ô tô chuyên dùng có dung tích tec nước 100m³ + 1.000 lít form); định kỳ phối hợp với cơ quan chức năng để tổ chức đạo tạo, tập huấn cho cán bộ, công nhân viên làm việc tại Dự án về thực hiện ứng phó sự cố PCCC (có chứng chỉ kèm theo); ban hành quy trình vận hành hệ thống xuất nhập xăng dầu; lập kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng và thay thế máy móc thiết bị PCCC.

- Về phương án đảm bảo an toàn hàng hải: Tuân thủ thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1056/QĐ-CHHVN ngày 04/08/2022 về việc phê duyệt phương án đảm bảo an toàn hàng hải cho tàu có trọng tải đến 5.000 DWT vào, rời cầu cảng số 1 - Bến cảng thuộc Dự án khu phát triển Gas&LNG và các loại hình phụ trợ lọc hóa dầu Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQLKKTNS&KCN
ngày tháng 12 năm 2022 của Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ ĐẦU TƯ SẼ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

- Triển khai thi công xây dựng các hạng mục công trình phục vụ cho hoạt động tại Giai đoạn II và Giai đoạn III của Dự án theo đúng tiến độ theo hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư của dự án. Đồng thời, Chủ đầu tư phải thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường đã được Trưởng ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 219/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 28/7/2022. Trong đó, đối với quá trình thi công nạo vét cảng, Chủ đầu tư nghiêm túc thực hiện công tác thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp và nước bẩn từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGTVT ngày 02/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Thông tư quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển; thực hiện quan trắc chất nạo vét theo quy định tại Thông tư 28/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định kỹ thuật đánh giá chất nạo vét vùng biển Việt Nam.

- Trước khi đưa giai đoạn II, giai đoạn III của dự án đi vào hoạt động chính thức, Chủ đầu tư sẽ thực hiện lập hồ sơ cấp xin cấp Giấy phép môi trường theo quy định tại khoản 3 Điều 42 Luật bảo vệ môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử

dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp để vận hành trạm xử lý nước thải tập trung của dự án.

4. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tối thiểu 20% diện tích đất tại dự án.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Trong trường hợp các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã được cấp trong Giấy phép môi trường này có thay đổi, điều chỉnh, Chủ cơ sở phải có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại điều Điều 44, Luật Bảo vệ môi trường (trừ khoản 5 điều này).

7. Chủ cơ sở không tự thực hiện thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp và nước bẩn từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGTVT ngày 02/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành Thông tư quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển, cụ thể như sau:

- Có trách nhiệm công khai, niêm yết danh sách tổ chức, cá nhân đã ký hợp đồng cung ứng dịch vụ thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền tại cảng biển và giá dịch vụ thu gom, xử lý chất thải trên trang thông tin điện tử và tại trụ sở chính của cảng biển.

- Về quy trình thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp và nước bẩn từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển: Chủ cơ sở yêu cầu tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, nước bẩn từ tàu thuyền bố trí phương tiện tiếp nhận để thực hiện thu gom chất thải từ tàu thuyền; vận chuyển, lưu giữ tạm thời và xử lý chất thải theo quy định; và lập Phiếu xác nhận thu gom chất thải từ tàu thuyền theo quy định để gửi các bên liên quan. Chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp và nước bẩn thu gom từ tàu thuyền phải được phân loại, lưu giữ tạm thời và vận chuyển bằng các phương tiện, thiết bị phù hợp quy định pháp luật về quản lý chất thải.

- Về quy trình thu gom và xử lý chất thải rắn nguy hại, nước lẩn cặn dầu và chất lỏng độc hại khác phát sinh từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển: Chủ cơ sở yêu cầu tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn nguy hại, nước lẩn cặn dầu và chất lỏng độc hại khác bố trí phương tiện tiếp nhận để thực hiện thu gom chất thải từ tàu thuyền; vận chuyển, lưu giữ tạm thời và xử lý

chất thải theo quy định; lập Phiếu xác nhận thu gom chất thải từ tàu thuyền; sau khi hoàn thành việc xử lý chất thải thu gom từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển, tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ thu gom và xử lý chất thải gửi bản sao y Liên số 4 chứng từ chất thải nguy hại tới Cảng vụ hàng hải khu vực để lưu giữ, giám sát; Phương tiện tiếp nhận và phương tiện vận chuyển chất thải rắn nguy hại, nước lẫn cặn dầu và chất lỏng độc hại khác từ tàu thuyền phải đáp ứng quy định. Lưu giữ các chứng từ thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền để sẵn sàng cung cấp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu.

- Tổng hợp, lập báo cáo tình hình quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền tại cảng biển theo quy định gửi Cảng vụ hàng hải Thanh Hóa, chậm nhất ngày 16 tháng 12 hàng năm. Đồng thời tích hợp vào báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường gửi về Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN, Sở Tài nguyên Môi trường, UBND thị xã Nghi Sơn và các đơn vị khác có liên quan.

- Chủ đầu tư phải thực hiện đầy đủ các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Giấy phép môi trường này và pháp luật có liên quan; ban hành quy trình vận hành trạm xử lý nước thải; lập kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, thay thế máy móc, thiết bị xử lý, lưu chứa chất thải đảm bảo theo yêu cầu./.

